**PHỤ LỤC 1 (01.8)**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI**

**Đối với DANH MỤC NHÓM HÀNG MÁY CÔNG CỤ VÀ THIẾT BỊ của Hội DNCKĐ TpHCM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HS** | **Tên thiết bị** | **Đề xuất của Hội DN Cơ khí - Điện TP HCM** | **Đề xuất sửa của Viện Nghiên cứu Cơ khí** |
| **Giấy phép nhập khẩu** | **Yêu cầu về tuổi thiết bị (**tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu) | **Giấy phép nhập khẩu** | **Yêu cầu về tuổi thiết bị (**tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu) |
|  | 84.20 | Các loại máy cán là hay máy cán ép phẳng kiểu trục lăn khác, trừ các loại máy dùng để cán, ép kim loại hoặc thủy tinh, và các loại trục cán của chúng. | Không  | Không quá 25 năm  | Phải có  | Không quá 15 năm. |
|  | 84.27 | Xe nâng hạ xếp tầng hàng bằng cơ cấu càng nâng; các loại xe công xưởng khác có lắp thiết bị nâng hạ hoặc xếp hàng. | Không  | Không quá 15 năm  | Phải có  | Không quá 10 năm. |
|  | 84.54 | Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thỏi và máy đúc, dùng trong luyện kim hay đúc kim loại. |  | Không quá 20 năm. | Phải có  | Không quá 20 năm. |
|  | 84.55 | Máy cán kim loại và trục cán của nó. | Không  | Không quá 25 năm. | Phải có  | Không quá 15 năm. |
|  | 84.56 | Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước. | Không  | Không quá 20 năm  | Phải có  | Không quá 20 năm. |
|  | 84.57 | Trung tâm gia công cơ, máy kết cấu một vị trí và máy nhiều vị trí gia công chuyển dịch để gia công kim loại. | Không  | Không quá 20 năm. | Phải có  | Không quá 10 năm. |
|  | 84.58 | Máy tiện kim loại (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại. | Không  | Không quá 20 năm. | Phải có  | Không quá 15 năm. |
|  | 84.59 | Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58. | Không  | Không quá 25 năm. | Phải có  | Không quá 15 năm. |
|  | 84.60 | Máy công cụ dùng để mài bavia, mài sắc, mài nhẵn, mài khôn, mài rà, đánh bóng hoặc bằng cách khác để gia công hoàn thiện kim loại hoặc gốm kim loại bằng các loại đá mài, vật liệu mài hoặc các chất đánh bóng, trừ các loại máy cắt răng, mài răng hoặc gia công hoàn thiện bánh răng thuộc nhóm 84.61. | Không  | Không quá 25 năm. | Phải có  | Không quá 20 năm. |
|  | 84.61 | Máy bào, máy bào ngang, máy xọc, máy chuốt, máy cắt bánh răng, mài hoặc máy gia công răng lần cuối, máy cưa, máy cắt đứt và các loại máy công cụ khác gia công bằng cách bóc tách kim loại hoặc gốm kim loại, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác. | Không  | Không quá 25 năm. | Phải có  | Không quá 20 năm. |
|  | 84.62 | Máy công cụ (kể cả máy ép) dùng để gia công kim loại bằng cách rèn, gò hoặc dập khuôn; máy công cụ (kể cả máy ép) để gia công kim loại bằng cách uốn, gấp, kéo thẳng, dát phẳng, cắt xén, đột dập hoặc cắt rãnh hình chữ V; máy ép để gia công kim loại hoặc các bua kim loại chưa được chi tiết ở trên. | Không  | Không quá 25 năm. | Phải có  | Không quá 15 năm . |
|  | 84.63 | Máy công cụ khác để gia công kim loại hoặc gốm kim loại, không cần bóc tách vật liệu. | Không  | Không quá 25 năm. | Phải có  | Không quá 15 năm. |
|  | 84.66 | Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hay chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65, kể cả bộ phận kẹp sản phẩm hay kẹp dụng cụ, đầu cắt ren tự mở, đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho các máy công cụ; bộ phận kẹp dụng cụ dùng cho mọi loại dụng cụ cầm tay. | Không  | Không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu. | Phải có  | Không quá 20 năm. |
|  | 84.79 | Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác thuộc Chương này. | Không  | Không quá 20 năm. | Phải có  | Không quá 10 năm. |